

Luật số: /2025/QH15

**LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU  
LUẬT SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10;*

*Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.*

**CHƯƠNG I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 như sau:

“1. Áp dụng thực hiện biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả phục vụ phát triển kinh tế - xã hội là một trong những ưu tiên hàng đầu.

2. Tiết kiệm năng lượng phải được đưa vào là chỉ tiêu bắt buộc trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội toàn quốc và của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

3. Khuyến khích phát triển những ngành nghề tiêu thụ ít năng lượng, tài nguyên thiên nhiên, tạo ra giá trị gia tăng cao. Có chính sách kiểm soát đối với những ngành có cường độ sử dụng năng lượng cao, tiêu thụ nhiều tài nguyên thiên nhiên.

4. Khuyến khích cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm ký kết thỏa thuận tự nguyện về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả với cơ quan quản lý nhà nước (Bộ Công Thương và các bộ ngành).”

2. Bổ sung “Điều 6a vào sau Điều 6 như sau:

**“Điều 6a. Nguồn lực cho sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả**

1. Nguồn lực để thực hiện hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả bao gồm:

a) Ngân sách nhà nước chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển cho sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

b) Nguồn vốn xã hội hóa cho sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

2. Ngân sách nhà nước có mục chi riêng cho hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và bố trí tăng dần trong từng giai đoạn, phù hợp với khả năng ngân sách và yêu cầu, nhiệm vụ về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

3. Nguồn lực cho thực hiện sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả bao gồm các hoạt động:

a) Xây dựng cơ chế, chính sách;

b) Hỗ trợ kỹ thuật, tài chính: kiểm toán năng lượng, xây dựng hệ thống quản lý năng lượng, cải tiến công nghệ, thực hiện các giải pháp tiết kiệm năng lượng;

c) Cơ sở dữ liệu;

d) Đào tạo, truyền thông;

đ) Kiểm tra, thanh tra;

e) Thành lập Quỹ.

3. Bổ sung khoản 3 Điều 13 như sau:

“3. Bộ Công Thương chủ trì phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước xây dựng và ban hành quy định về định mức tiêu hao năng lượng tự dùng trong các cơ sở sản xuất và cung cấp năng lượng.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản x Điều 16 như sau:

“Quy định thêm về vấn đề dán nhãn cho vật liệu xây dựng, các vấn đề về tòa nhà hiệu quả năng lượng (công trình xanh), tòa nhà trung hòa các bon tại Việt Nam (ZEB)”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

“Sửa đổi, bổ sung Điều 21 nhằm công nhận một số tiêu chuẩn quốc tế được áp dụng cho một số ngành đặc thù như: hàng không, tàu biển,....

1. Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm:

a) Áp dụng các biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong quy hoạch hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không;

b) Chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan xây dựng và ban hành theo thẩm quyền quy chuẩn kỹ thuật, định mức tiêu thụ năng lượng đối với phương tiện vận tải;

c) Chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện loại bỏ phương tiện vận tải quá thời hạn sử dụng, không đạt mức hiệu suất năng lượng tối thiểu;

d) Hướng dẫn doanh nghiệp vận tải hợp lý hóa hoạt động giao thông vận tải nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng của phương tiện vận tải;

đ) Lập kế hoạch đầu tư, khai thác hệ thống giao thông công cộng, tăng cường sử dụng mạng lưới giao thông đường sắt, đường thủy kết hợp vận tải đa phương thức;

e) Kiểm tra việc tuân thủ định mức tiêu thụ năng lượng đối với phương tiện vận tải.

2. Bộ Công Thương hướng dẫn cơ sở sản xuất phương tiện vận tải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật, định mức tiêu thụ năng lượng đối với phương tiện vận tải.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan công bố tiêu chuẩn quốc gia về hiệu suất năng lượng của phương tiện vận tải và nhiên liệu thân thiện môi trường sử dụng trong giao thông vận tải.

4. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Áp dụng các biện pháp tiết kiệm năng lượng trong quy hoạch, phát triển hệ thống giao thông vận tải tại địa phương;

b) Tổ chức phân làn, phân luồng giao thông hợp lý; quy định giờ hoạt động của một số loại phương tiện, giảm thiểu ùn tắc giao thông nhằm tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong giao thông vận tải được phân cấp.”

## **6. Bổ sung khoản 2 Điều 29 như sau:**

“2. Dự án mới, dự án cải tạo cơ sở hạ tầng, công trình xây dựng có sử dụng vốn nhà nước phải tuân thủ quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả là một trong những tiêu chí bắt buộc phải tuân thủ trong việc thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước.”

## **7. Sửa đổi, bổ sung Khoản 4, khoản 5, Điều 30 như sau:**

“4. Hằng năm, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo đơn vị đầu mối trực thuộc tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện việc mua sắm công đối với các phương tiện, thiết bị tiết kiệm năng lượng được trang bị, mua sắm theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, gửi Bộ Công Thương để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

5. UBND cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra, và xử lý vi phạm đối với hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.”

## **8. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 như sau:**

“1. Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm là cơ sở sử dụng năng lượng hằng năm với khối lượng lớn theo quy định và được Chính phủ công bố hàng năm.

2. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan, UBND cấp tỉnh trình Chính phủ điều chỉnh việc xác định mức sử dụng năng lượng đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm phù hợp với tình hình phát triển KT-XH và mục tiêu tiết kiệm năng lượng của đất nước.”

## **9. Sửa đổi điểm đ và g khoản 1 Điều 33 như sau:**

“đ) Bắt buộc phải áp dụng mô hình quản lý năng lượng theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.

“g) Lắp đặt và duy trì hệ thống đo đếm, giám sát, phân tích hiện trạng sử dụng năng lượng để thống kê tình hình tiêu thụ, sử dụng các dạng năng lượng khác nhau.”

## **10. Sửa đổi khoản 2 Điều 33 như sau:**

“2. Bộ Công Thương chủ trì phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh hướng dẫn cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm xây dựng và thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hằng năm và năm năm, quy định mẫu báo cáo định kỳ hằng năm và năm năm, áp dụng mô hình quản lý năng lượng phù hợp (xem xét phân cấp nội dung hướng dẫn áp dụng mô hình QLNL lĩnh vực GTVT cho Bộ GTVT).

## **11. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 34 như sau:**

“4. Bộ Công Thương quy định cụ thể về **cơ sở thực hiện kiểm toán năng lượng**; trình tự, thủ tục thực hiện kiểm toán năng lượng; nội dung, chương trình đào tạo, thẩm quyền cấp, công nhận, thu hồi, thời hạn của chứng chỉ kiểm toán viên năng lượng và cơ sở đào tạo.”

## **12. Sửa đổi bổ sung điểm a Khoản 1, Khoản 3, Điều 35 như sau:**

“a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, hoạt động dịch vụ; có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trong sản xuất nông nghiệp, giao thông vận tải.”

“3. Bộ Công Thương quy định nội dung, chương trình đào tạo, thẩm quyền cấp, công nhận, thu hồi, thời hạn đào tạo bổ sung chứng chỉ quản lý năng lượng và cơ sở đào tạo.”

## **13. Sửa đổi khoản 2 Điều 37 như sau:**

“2. Dán nhãn năng lượng đối với vật liệu xây dựng và phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng.”

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 và khoản 6 Điều 39 như sau:

“5. Bộ Xây dựng, chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương tổ chức triển khai hoạt động Dán nhãn năng lượng đối với vật liệu xây dựng.”

“6. Bộ Giao thông vận tải, chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương tổ chức triển khai hoạt động Dán nhãn năng lượng đối với Phương tiện, Thiết bị giao thông vận tải.”

15. Bổ sung Điều 40a vào sau Điều 40 như sau:

“Điều 40a: Quỹ sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả Việt Nam

1. Chính phủ thành lập Quỹ sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả Việt Nam để cho vay ưu đãi, bảo lãnh, nhận ký quỹ, tài trợ, hỗ trợ tài chính đầu tư cho hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

2. Chính phủ quy định nguồn vốn, điều lệ tổ chức và hoạt động của Chính phủ thành lập Quỹ sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả Việt Nam;.

3. Thủ tướng Chính phủ quyết định việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Chính phủ thành lập Quỹ sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả Việt Nam.”

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 41 như sau:

**“Điều 41. Ưu đãi đối với hoạt động tiết kiệm năng lượng**

1. Dự án thúc đẩy tiết kiệm năng lượng được xem xét, hỗ trợ kinh phí từ Chương trình quốc gia về Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

2. Tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất sản phẩm, vật liệu TKNL; đầu tư nâng cấp, cải tạo dây chuyền sản xuất, mở rộng quy mô sản xuất bằng công nghệ TKNL, dự án đầu tư vào các cơ sở tiết kiệm năng lượng, sản xuất, lắp đặt hoặc xây dựng máy móc, thiết bị hoặc vật liệu tiết kiệm năng lượng, các dự án nhằm hợp lý hóa việc sử dụng năng lượng và giảm phát thải khí nhà kính thông qua hợp lý hóa sử dụng năng lượng, được ưu đãi, hỗ trợ như sau:

a) Ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế;

b) Các ưu đãi theo quy định của pháp luật về đất đai;

c) Được vay vốn từ Quỹ sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả Việt Nam, Ngân hàng Phát triển; Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật và được hỗ trợ từ Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao; VNEEP;

d) Các ưu đãi khác theo quy định của Luật này và các pháp luật có liên quan.

đ Trường hợp hoạt động thúc đẩy, đầu tư tiết kiệm năng lượng cùng được ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan thì được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo văn bản có quy định mức ưu đãi, hỗ trợ cao hơn;

e) Mức độ và phạm vi ưu đãi, hỗ trợ hoạt động tiết kiệm năng lượng được điều chỉnh bảo đảm phù hợp với chính sách về tiết kiệm năng lượng từng thời kỳ.

g) Chính phủ quy định chi tiết, cụ thể các ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, ưu đãi về đất đai và đầu tư đối với hoạt động đầu tư sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.”

17. Bổ sung Điều 41a vào sau Điều 41 như sau:

**“Điều 41a. Chứng nhận sản phẩm hiệu suất cao nhất**

Cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu phương tiện, thiết bị tiêu thụ năng lượng có thể, theo nguyên tắc tự nguyện và tuân theo các quy định của nhà nước về chứng nhận sản phẩm hiệu suất cao nhất, nộp đơn cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để chứng nhận sản phẩm hiệu suất cao nhất. Các doanh nghiệp đã đạt chứng nhận có thể được cấp chứng nhận sản phẩm hiệu suất cao nhất và sử dụng chứng nhận sản phẩm hiệu suất cao nhất trên các sản phẩm tiêu thụ năng lượng hoặc bao bì của....”

18. Bổ sung khoản 4 Điều 43 như sau:

“4. Bộ Công Thương quy định điều kiện về điều kiện kinh doanh ngành nghề kiểm toán năng lượng và mô hình kinh doanh của tổ chức tư vấn dịch vụ năng lượng để đảm bảo chất lượng dịch vụ.”

19. Bổ sung khoản 7 Điều 45 như sau:

“7. Thâm định kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt mục tiêu sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, phương pháp đánh giá và giám sát thực hiện mục tiêu về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.”

20. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và bổ sung khoản 4 Điều 46 như sau:

“1. Xây dựng kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, gửi Bộ Công Thương để thâm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.”

“4. Báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện mục tiêu sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hàng năm và trong từng giai đoạn 5 năm.”

## **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày    tháng    năm 2025.

*Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XV, kỳ họp thứ    thông qua ngày    tháng    năm 2025.*

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**